

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 17 - 3 - 2021.

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Đại Cương
2. Ông Nguyễn Văn Len

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Nhữ M - Sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị L - Sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, bản tự khai ngày 26/10/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Hồ Nhữ M trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1985 ông và bà Bùi Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, do hiểu biết pháp luật kém nên ông bà không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà L không quan tâm đến gia đình nhà chồng, hay chửi

bới. Đến năm 2020 bà L ghen tuông vô cớ đã chặn đường đánh ông và bà hàng xóm nên tháng 7/2020 ông đã nộp đơn lên Tòa án xin ly hôn. Quá trình Tòa án đang giải quyết ông nghĩ đến con cháu nên đã suy nghĩ lại và rút đơn khởi kiện, sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thì ông và bà L vẫn không cải thiện được tình trạng hôn nhân.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về con chung, ông M trình bày: Ông và bà L có 03 con chung là:

- Hồ Thế D - Sinh năm 1987
- Hồ Thị D - Sinh năm 1988
- Hồ Nhữ D - Sinh năm 1992

Hiện nay các con chung của ông và bà L đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Ông Hồ Nhữ M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Hồ Nhữ M đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Hồ Nhữ M còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn xin xác nhận sống chung với nhau như vợ chồng; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; Trích lục khai sinh của Hồ Thế D, Hồ Thị D và Hồ Nhữ D; bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân của ông M và bà L; bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu; Giấy xin xác nhận nơi cư trú của bị đơn; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Quá trình giải quyết vụ án*, bà Bùi Thị L không nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án và tỏ thái độ không hợp tác. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án, Thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng bà L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với bà L để lấy lời khai của bà.

* *Tại biên bản xác minh ngày 25/01/2021*, ông Bùi Đình C - Trưởng thôn của thôn 6, xã X, huyện N trình bày:

Ông C là cháu họ của bà L. Ông chỉ nghe nhân dân trong thôn xôn xao dư luận về việc ông M và bà L xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân như thế nào thì ông không nắm rõ vì gia đình ông M không báo cáo. Ông M và bà L có 03 con chung là Hồ Thế D, sinh năm 1987, Hồ Thị D, sinh năm 1988 và Hồ Nhữ D, sinh năm 1992, cả ba người con của ông bà đều phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ và hiện nay đã có cuộc sống riêng.

* *Tại phiên tòa:* Ông Hồ Nhữ M vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại bản tự khai ngày 26/10/2020. Theo đó, ông đề nghị được ly hôn với bà L; ông không yêu cầu giải quyết về phần con chung, tài sản và công nợ.

Bị đơn bà Bùi Thị L vẫn không đến tham gia phiên tòa, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

* *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Nhữ M về việc ly hôn. Theo đó, đề nghị xử cho ông M được ly hôn bà L. Về án phí, đề nghị buộc ông M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Bùi Thị L các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Nhữ M và bà Bùi Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Do hôn nhân thực tế của ông M và bà L được bắt đầu trước ngày 03/01/1987, nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Long có yêu cầu ly hôn, nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung về vụ án ly hôn theo hướng dẫn tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/2/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Tháng 7/2020 ông M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Được Tòa án giải thích và hòa giải nên ông đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thì ông và bà L vẫn không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn vợ chồng,

chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nghĩ nên cho ông M ly hôn bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Ông Hồ Nhữ M và bà Bùi Thị L có 03 con chung là: Hồ Thế D, sinh năm 1987; Hồ Thị D, sinh năm 1988 và Hồ Nhữ D, sinh năm 1992. Các con chung của ông M và bà L đã trưởng thành và đã tự lập cuộc sống riêng. Ông M và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con chung nên không xét.

[5] *Về tài sản và công nợ*: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Ông Hồ Nhữ M là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/2/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Nhữ M, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho ông Hồ Nhữ M được ly hôn bà Bùi Thị L.

Về án phí: Ông Hồ Nhữ M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số AA/2019/0005204, ngày 20/10/2020. Ông M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã X, huyện N;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy